

Số: /QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về chủ trương đầu tư

Dự án: Nâng cấp tuyến đường từ ĐT.636 đến giáp ĐT.631, huyện Tuy Phước

Hạng mục: Di dời hệ thống điện

Địa điểm xây dựng: xã Phước Hòa, xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/06/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1995/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Nâng cấp tuyến đường từ ĐT.636 đến giáp ĐT.631, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND huyện Tuy Phước về quy định mức vốn dự án đầu tư công nhóm C HĐND huyện giao UBND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 8766/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt danh mục, kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023 thuộc các nguồn vốn được phân cấp cho huyện và nguồn vốn huyện quản lý;

Căn cứ Văn bản số 88/UBND-XD ngày 18/01/2022 của UBND huyện Tuy Phước về việc cho chủ trương di dời và thay thế hệ thống điện do GPMB đầu tư xây dựng Dự án: Nâng cấp tuyến đường từ ĐT.636 đến giáp ĐT.631, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Văn bản số 243/ĐLTP-KHKT ngày 30/9/2022 của Điện lực Tuy Phước về việc thỏa thuận thiết kế kỹ thuật thi công hạng mục: Di dời hệ thống điện để nâng cấp mở rộng tuyến đường từ ĐT636 đến giáp ĐT631 huyện Tuy Phước;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ huyện tại Tờ trình số 85/TTr-BQL ngày 24/02/2023 và của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Báo cáo số 47/BC-PTCKH ngày 22/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp tuyến đường từ ĐT.636 đến giáp ĐT.631, huyện Tuy Phước; Hạng mục: Di dời hệ thống điện do Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ huyện làm Chủ đầu tư, với các nội dung như sau:

1. Mục tiêu đầu tư: Nhằm phục vụ cho dự án: Nâng cấp tuyến đường từ ĐT.636 đến giáp ĐT.631, huyện Tuy Phước.

2. Quy mô đầu tư dự án:

2.1. Đường dây 22kV:

a. Đường dây 22kV hiện trạng:

+ Điểm đầu: C65/10-XT473/PSO.

+ Điểm cuối: C65/14 – XT473/PSO.

- Dây dẫn AC-XLPE 70mm² khoảng cột C65/10-C65/14, chiều dài tuyến: 183m.

- Dây dẫn AC-XLPE 70mm² khoảng cột C65/10-C65/10/1, chiều dài tuyến: 07m.

b. Đường dây 22kV làm mới:

- Điểm đầu: C65/10-XT473/PSO.

- Điểm cuối: C65/14 – XT473/PSO.

- Móng cột: Sử dụng móng bê tông cốt thép giắt cấp, phù hợp với địa hình đất trên khu vực, độ chôn sâu đảm bảo theo qui định.

- Loại cột: Dùng loại cột BTLT (TCVN 5847:2016) đảm bảo kết cấu lực đầu cột, có chiều cao khi lắp đặt dây dẫn đảm bảo khoảng cách pha đất Cột BTLT14m (PC.I-14-190-13), Cột sắt 12,1m tại vị trí góc, chịu lực lớn (C65/14).

- Nối đất cột: Các chi tiết tiếp đất phải được mạ kẽm nhúng nóng, bề dày lớp mạ đảm bảo $\delta \geq 80\mu\text{m}$. Trị số điện trở nối đất đảm bảo theo quy định hiện hành.

- Xà: Xà thép hình mạ kẽm nhúng nóng (đảm bảo bề dày lớp mạ $\delta \geq 80\mu\text{m}$), theo kết cấu 3 pha 24kV, khoảng cách pha-pha đảm bảo $\geq 700\text{mm}$.

- Cách điện: Sứ đứng gồm sứ và sứ treo cấp điện áp 22kV các thông số đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo qui định.

- Phụ kiện đấu nối: Dùng kẹp răng đấu nối và ống nối phù hợp tiết diện dây dẫn.

- Dây dẫn:

+ Đường trục: Sử dụng dây nhôm bọc lõi thép AC-XLPE-BP-150/24-12,7/24kV, chiều dài tuyến: 183m (từ cột C65/10-C65/14).

+ Nhánh rẽ TBA Tư Cung: Sử dụng dây nhôm bọc lõi thép AC-XLPE-BP-150/24-12,7/24kV, chiều dài tuyến: 07m (từ cột C65/10-C65/10/1).

c. Nội dung thu hồi:

- Cột: BTLT10,5m (Vị trí: C65/10; C65/11; C65/12; C65/13); Cột sắt 10,5m (vị trí: C65/14).

- Xà: XĐT-1A (Vị trí: C65/11); XĐG-1A (vị trí: C65/12); XNL-1C (vị trí: C65/13); XRN-1C (Vị trí: C65/10); XNU-1 (vị trí: C65/10); XNU-3 (vị trí: C65/14).

- Cách điện đứng: Sứ đứng Pinpost 22kV (Vị trí: C65/10: 03 cái; C65/11: 03 cái; C65/12: 06 cái; C65/13: 03 cái; C65/14: 03 cái).

- Cách điện treo: Sứ chuỗi treo Polymer 22kV (vị trí C65/10: 06 cái; C65/13: 06 cái; C65/14: 06 cái).

- Dây dẫn AC-XLPE 70mm² khoảng cột C65/10-C65/14, chiều dài tuyến: 183m.

- Dây dẫn AC-XLPE 70mm² khoảng cột C65/10-C65/10/1, chiều dài tuyến: 07m.

2.2. Di dời các đoạn đường dây 0,4kV thuộc TBA Tư Cung trước khi di dời:

- **Lộ Nam:** Điểm đầu: TBA Tư Cung. Điểm cuối: Cột C116.

* **Mạch 1:** Đường trục: Từ TBA Tư Cung đến C114 dây dẫn 3AV70+ AV50, chiều dài tuyến: 691m.

- Nhánh rẽ: C104-C104/1 dây dẫn 3AV70+ AV50, chiều dài tuyến: 44m.

- Nhánh rẽ: C110-C110/1 dây dẫn ABC2x25, chiều dài tuyến: 24m.

- Nhánh rẽ: C110-C110/1A dây dẫn ABC4x50, chiều dài tuyến: 52m.

- Nhánh rẽ: C113-C113/1 dây dẫn 2AC50, chiều dài tuyến: 56m.

* **Mạch 02:** Dây dẫn cáp nhôm vặn xoắn ABC4x95, khoảng cột TBA Tư Cung đến C107, chiều dài tuyến: 333m.

- **Lộ Bắc:** Điểm đầu: TBA Tư Cung. Điểm cuối: C214.

- Dây dẫn cáp nhôm 3AV70+AV50 khoảng cột TBA Tư Cung đến C214, chiều dài tuyến: 572m.

2.3. Di dời các đoạn đường dây 0,4kV thuộc TBA Tư Cung sau khi di dời:

a. Lộ Nam xây dựng mới:

- Điểm đầu: TBA Tư Cung. Điểm cuối: Cột C116.

- Móng cột: Sử dụng móng bê tông cốt thép giắt cấp, phù hợp với địa hình đất trên khu vực, độ chôn sâu đảm bảo theo qui định.

- Loại cột: Dùng loại cột BTLT (TCVN 5847:2016) đảm bảo kết cấu lực đầu cột, có chiều cao khi lắp đặt dây dẫn đảm bảo khoảng cách pha đất, đồng bộ hóa trong quy hoạch, Cột BTLT14m (PC.I-14-190-13).

- Nối đất cột: Các chi tiết tiếp đất phải được mạ kẽm nhúng nóng, bề dày lớp mạ đảm bảo $\delta \geq 80\mu\text{m}$. Trị số điện trở nối đất đảm bảo theo quy định hiện hành.

- Cùm xà hạ áp: Xà thép hình mạ kẽm nhúng nóng (đảm bảo bề dày lớp mạ $\delta \geq 80\mu\text{m}$).

- Cách điện: Phụ kiện hãm và treo dùng PA-95; PS-95.

- Phụ kiện đấu nối: Dùng kẹp răng đầu nối phù hợp tiết diện dây dẫn, các nhánh rẽ tăng cường mỗi pha 02 kẹp cấp.

- Đường trục: từ TBA Tư Cung đến C114 dây dẫn Cáp nhôm vặn xoắn ABC4x95mm² – 0,6/1kV, chiều dài tuyến: 695m.

- Nhánh rẽ C104 – C104/1 dây dẫn Cáp nhôm vặn xoắn ABC4x95mm² – 0,6/1kV, chiều dài tuyến: 44m.

- Nhánh rẽ: C110-C110/1 dây dẫn ABC2x25, chiều dài tuyến: 24m.

- Nhánh rẽ: C110-C110/1A dây dẫn nhôm vặn xoắn ABC4x95, chiều dài tuyến: 52m.

- Nhánh rẽ: C113-C113/1 dây dẫn nhôm vặn xoắn ABC2x50, chiều dài tuyến: 56m.

b. Lộ Nam sử dụng lại:

- Đường dây 0,4kV mạch 02 cáp nhôm vặn xoắn ABC4x95, chiều dài tuyến: 333m sử dụng lại.

c. Lộ Nam thu hồi:

- Đường trục: Từ TBA Tư Cung đến C114 dây dẫn 3AV70+ AV50, chiều dài tuyến: 691m.

- Nhánh rẽ: C104-C104/1 dây dẫn 3AV70+ AV50, chiều dài tuyến: 44m.

- Nhánh rẽ: C110-C110/1 dây dẫn ABC2x25, chiều dài tuyến: 24m.

- Nhánh rẽ: C110-C110/1A dây dẫn ABC4x50, chiều dài tuyến: 52m.

- Nhánh rẽ: C113-C113/1 dây dẫn 2AC50, chiều dài tuyến: 56m.

d. Lộ Bắc xây dựng mới:

- Điểm đầu: TBA tư Cung.

- Điểm cuối: C214.

- Móng cột: Sử dụng móng bê tông cốt thép giắt cáp, phù hợp với địa hình đất trên khu vực, độ chôn sâu đảm bảo theo qui định.

- Loại cột: Dùng loại cột BTLT (TCVN 5847:2016) đảm bảo kết cấu lực đầu cột, có chiều cao khi lắp đặt dây dẫn đảm bảo khoảng cách pha đất.

- Nối đất cột: Các chi tiết tiếp đất phải được mạ kẽm nhúng nóng, bề dày lớp mạ đảm bảo $\delta \geq 80\mu\text{m}$. Trị số điện trở nối đất đảm bảo theo quy định hiện hành.

- Cùm xà hạ áp: Xà thép hình mạ kẽm nhúng nóng (đảm bảo bề dày lớp mạ $\delta \geq 80\mu\text{m}$).

- Cách điện: Phụ kiện hãm và treo dùng PA-95; PS-95.

- Phụ kiện đấu nối: Dùng kẹp răng đầu nối phù hợp tiết diện dây dẫn, các nhánh rẽ tăng cường mỗi pha 02 kẹp cáp.

- Dây dẫn cáp nhôm vặn xoắn ABC4x95mm²-0,6/1kV khoảng cột TBA Tư Cung đến C214, chiều dài tuyến: 572m.

e. Lộ Bắc thu hồi:

- Cột: BTLT8,4m (vị trí: C206; C207; C208; C110; C111; C112 và C113); BTLT14m (C201; C203; C204); cột sắt: 12,1m (vị trí C205).

- Cột: BTLT8,5m (tại các vị trí C209; C214).

- Dây dẫn cáp nhôm 3AV70+AV50 khoảng cột TBA Tư Cung đến C214, chiều dài tuyến: 572m.

2.4. Di dời đoạn đường dây 0,4kV thuộc TBA Tùng Giản 2:

a. Đường dây 0,4kV trước khi di dời:

- Điểm đầu: C203 – Lộ đông.

- Điểm cuối: C203/3 – Lộ đông.

- Cột: BTLT8,4m (vị trí: C203/1; C203/2; C203/3).

- Xà hạ thế cụm lắp PA (vị trí: C203/1; C203/2; C203/3).

- Dây dẫn cáp nhôm vặn xoắn ABC4x50, khoảng cột C203 đến C203/3, chiều dài tuyến: 95m.

b. Đường dây 0,4kV sau khi di dời:

- Điểm đầu: C203 – Lộ đông.

- Điểm cuối: C203/3 – Lộ đông.

- Móng cột: Sử dụng móng bê tông cốt thép giằng cáp, phù hợp với địa hình đất trên khu vực, độ chôn sâu đảm bảo theo qui định.

- Loại cột: Dùng loại cột BTLT (TCVN 5847:2016) đảm bảo kết cấu lực đầu cột, có chiều cao khi lắp đặt dây dẫn đảm bảo khoảng cách pha đất.

- Nối đất cột: Các chi tiết tiếp đất phải được mạ kẽm nhúng nóng, bề dày lớp mạ đảm bảo $\delta \geq 80\mu\text{m}$. Trị số điện trở nối đất đảm bảo theo quy định hiện hành.

- Cụm xà hạ áp: Xà thép hình mạ kẽm nhúng nóng (đảm bảo bề dày lớp mạ $\delta \geq 80\mu\text{m}$).

- Cách điện: Phụ kiện hãm và treo dùng PA-95; PS-95.

- Phụ kiện đấu nối: Dùng kẹp răng đấu nối phù hợp tiết diện dây dẫn, các nhánh rẽ tăng cường mỗi pha 02 kẹp cáp.

- Dây dẫn cáp nhôm vặn xoắn ABC4x95mm²-0,6/1kV khoảng cột C203 đến C203/3, chiều dài tuyến: 95m.

c. Đường dây 0,4kV thu hồi:

- Cột: BTLT8,4m (tại các vị trí: C203/1; C203/2; C203/3).

- Xà hạ thế cụm lắp PA (tại các vị trí: C203/1; C203/2; C203/3).

- Dây dẫn cáp nhôm vặn xoắn ABC4x50, khoảng cột C203 đến C203/3, chiều dài tuyến: 95m.

2.5. Phần chiếu sáng:

- Tháo dỡ cần đèn chiếu sáng (tháo dỡ và sử dụng lại): 33 bộ.
- Tháo dỡ cùm cần đèn chiếu sáng (tháo dỡ và sử dụng lại): 33 bộ.
- Tháo dỡ đèn chiếu sáng Sodium (thu hồi): 33 bộ.
- Cáp phụ tải: ABC (4x35)mm² (dây chiếu sáng tháo dỡ sử dụng lại): 1.473 mét.

- Cùm cần đèn cao áp cột BTLT-đơn CC-01 ($\geq 8,5m$): 05 bộ lắp mới.
- Cùm cần đèn cao áp cột BTLT- đơn CC-02 ($\geq 10m$): 09 bộ lắp mới.
- Cùm cần đèn cao áp cột 2BTLT-14 ghép dọc tuyến CC-02GD: 05 bộ lắp mới.

- Lắp đặt cần đèn CĐ-3m góc (10-15) độ: 05 bộ lắp mới.
- Lắp đặt đèn chiếu sáng Led -120W-220V: 29 bộ lắp mới.
- Lắp đặt đèn chiếu sáng Led: 04 bộ sử dụng lại.
- Cùm PA (PS) cột BTLT-8,5 CS-01: 05 lắp mới.
- Cùm PA (PS) chiếu sáng cột BTLT đơn: CS-02: 12 bộ lắp mới.
- Cùm PA (PS) cột 2BTLT-8,5 ghép dọc tuyến CS-01GD: 03 bộ lắp mới.
- Bulông U-12 gia công mạ kẽm: 55 cái.
- Cầu chì đuôi cá 5-10A (CCT): 29 cái.
- Kẹp dừng cáp PA-(4x25)mm²: 35 cái.
- Kẹp hãm cáp PS-(4x25)mm²: 25 cái.
- Kẹp răng đầu nối TTD-25 mm²: 66 cái.
- Sứ ống chỉ 0,4KV + Bu lông trục M14x120: 32 cái.

2.6. Nội dung công việc thực hiện sau khi di dời:

- Móng cột: Móng cột loại bê tông cốt thép giắt cáp, đúc tại chỗ: MT-1, MT-3G, MT-4, MT-4G và Móng trụ thép MCS-12 (Puylon-12m), phù hợp với địa hình đất trên khu vực, độ chôn sâu đảm bảo theo qui định.

- Loại cột: Dùng loại cột BTLT (TCVN 5847:2016) đảm bảo kết cấu lực đầu cột, có chiều cao khi lắp đặt dây dẫn đảm bảo khoảng cách pha đất Cột BTLT14m (PC.I-14-190-13), Cột sắt 12,1m tại vị trí góc, chịu lực lớn (C65/14) và cột BTLT10m (PC.I-10-190-5.0).

- Nối đất cột: Các chi tiết tiếp đất phải được mạ kẽm nhúng nóng, bề dày lớp mạ đảm bảo $\delta \geq 80\mu m$. Trị số điện trở nối đất đảm bảo theo quy định hiện hành.

- Xà: Xà thép hình mạ kẽm nhúng nóng (đảm bảo bề dày lớp mạ $\delta \geq 80\mu m$), theo kết cấu 3 pha 24kV, khoảng cách pha-pha đảm bảo $\geq 700mm$.

- Cách điện: Sứ đứng gồm sứ và sứ treo cấp điện áp 22kV các thông số đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo qui định.

- Phụ kiện đầu nối: Dùng kẹp răng đầu nối và ống nối phù hợp tiết diện dây dẫn.

3. Nhóm dự án: Nhóm C.

4. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 3.218.563.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ, hai trăm mười tám triệu, năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng : 2.548.491.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án : 76.558.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD : 169.984.000 đồng;
- Chi phí khác : 195.909.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 227.621.000 đồng.

5. Nguồn vốn đầu tư và khả năng cân đối vốn:

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách huyện & các nguồn vốn hợp pháp khác.
- Khả năng cân đối vốn: Từ nguồn chi phí GPMB đã được phê duyệt trong tổng mức đầu tư của dự án (không nằm trong mức chi phí phục vụ công tác GPMB 2%).

6. Địa điểm thực hiện dự án: xã Phước Hòa, xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023.

8. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn: Công trình Công nghiệp.

9. Hình thức đầu tư của dự án: Theo Luật Đầu tư công.

Điều 2. Giao Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ huyện chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 8204/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND huyện Tuy Phước và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Chủ tịch UBND xã Phước Hòa, Chủ tịch UBND xã Phước Thắng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu HS (10);
- Lưu VT.K₃. T15.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Nam